Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 09.11.2026 10:06:42 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 402/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15; Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật 18/2023/QH15; Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15; Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

"5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa thuỷ lợi quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa thuỷ lợi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 7 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

"1. Hồ sơ thẩm định

Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

b) Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

"3. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày làm việc nếu hồ sơ chưa đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ sau 16 giờ thì văn bản trả lời được gửi trong ngày làm việc tiếp theo;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt; trường hợp không phê duyệt thì có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt; trường hợp không phê duyệt thì có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với công trình, vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với công trình, vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt công trình đầu mối và có diện tích chiếm đất của công trình đầu mối lớn nhất phê duyệt phương án đối với công trình, vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên sau khi lấy ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 12 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Hồ sơ trình thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành;

b) Dự thảo quy trình vận hành;

c) Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Bản đồ hiện trạng công trình hoặc sơ đồ vị trí đối với công trình đang khai thác;

đ) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

e) Báo cáo thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi (trường hợp có thuyết minh tính toán trong quá trình lập, điều chỉnh quy trình).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

"2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thuỷ lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

"4. Cơ quan thẩm định lấy ý kiến về dự thảo quy trình vận hành theo quy định sau:

a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan thẩm định lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần); trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến của các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần);

c) Đối với dự thảo quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, lấy ý kiến tổ chức, cá nhân liên quan và chuyên gia (nếu cần).".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 như sau:

“6. Trình tự thẩm định, phê duyệt

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày làm việc nếu hồ sơ chưa đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ sau 16 giờ thì văn bản trả lời được gửi trong ngày làm việc tiếp theo;

b) Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hoặc thông báo lý do không phê duyệt;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định phê duyệt, điều chỉnh; trường hợp không phê duyệt, điều chỉnh thì có ngay văn bản thông báo nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 12 như sau:

“7. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoặc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn, trừ hồ chứa được quy định tại điểm a, điểm c khoản này và khoản 8 Điều này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn được phân cấp quản lý.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau:

a) Đập, hồ chứa thuỷ lợi có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa thuỷ lợi quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa thuỷ lợi; cơ quan quản lý nhà

nước về thủy lợi, khí tượng thuỷ văn, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp nơi có đập, hồ chứa thuỷ lợi, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi quản lý của bộ; cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Đập, hồ chứa thuỷ lợi vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ quản lý đập, hồ chứa thuỷ lợi, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, khí tượng thuỷ văn, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp nơi có đập, hồ chứa thuỷ lợi, vùng hạ du đập.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 17 như sau:

"7. Đối với hồ chứa thuỷ lợi không sử dụng vốn nhà nước:

a) Tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng quyết định thành phần Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi, định kỳ hàng năm thực hiện nhiệm vụ đánh giá an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi có nguy cơ mất an toàn;

b) Thành viên hội đồng bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, ủy viên phản biện và các ủy viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đập, hồ chứa thuỷ lợi có liên quan trên địa bàn và tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho hội đồng.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 18 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 18 như sau:

"c) Theo quyết định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

"4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh, các đập, hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân giao quản lý, trừ đập, hồ chứa quy định tại điểm a khoản này;

c) Đối với hồ chứa mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên không sử dụng vốn nhà nước, chủ sở hữu quyết định kiểm định đột xuất.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 18 như sau:

“6. Trách nhiệm kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi

“a) Tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập đề cương, dự toán kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện kiểm định theo đề cương được phê duyệt; gửi kết quả kiểm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn và Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Đề cương, dự toán, báo cáo kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thuỷ lợi theo mẫu tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 19 và một số khoản Điều 19 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 19 như sau:

“**Điều 19. Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi sử dụng vốn nhà nước”**

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập hồ chứa thủy lợi nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Đề cương, dự toán kiểm định (trường hợp trình phê duyệt đề cương, dự toán), báo cáo kết quả kiểm định (trường hợp trình phê duyệt kết quả kiểm định).”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định; Bộ trưởng phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi lớn, vừa trên địa bàn, đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ liên quan đến 02 xã trở lên và các hồ chứa thuỷ lợi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, trừ đập, hồ chứa thủy lợi quy định tại điểm a khoản này;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhỏ trên địa bàn.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục thẩm định

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày làm việc nếu hồ sơ chưa đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ sau 16 giờ thì văn bản trả lời được gửi trong ngày làm việc tiếp theo;

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề cương, dự toán, kết quả kiểm định; kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định phê duyệt đề cương, dự toán, kết quả kiểm định theo thẩm quyền; trường hợp không phê duyệt thì có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.".

Điều 8. Sửa đổi Điều 22 như sau:

"Điều 22. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thuỷ lợi phải có giấy phép

Việc thực hiện cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuỷ lợi."

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 24 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:

"2. Xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới

Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 24 như sau:

“a) Xác định vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 24 như sau:

“4. Thẩm định phương án cắm mốc chỉ giới

a) Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị phê duyệt và Phương án cắm mốc chỉ giới thể hiện phạm vi bảo vệ công trình, vị trí, tọa độ của các mốc chỉ giới, mốc tham chiếu (nếu có) trên nền bản đồ hiện trạng công trình thủy điện;

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày làm việc nếu hồ sơ chưa đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ sau 16 giờ thì văn bản trả lời được gửi trong ngày làm việc tiếp theo;

b) Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định; lấy ý kiến của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đập thủy điện, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa. Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định;

c) Trường hợp nội dung phương án cắm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định phê duyệt theo thẩm quyền; trường hợp không phê duyệt thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cắm mốc chỉ giới; thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định;

d) Đối với đập có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn một xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập phê duyệt.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 24 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt phương án, tổ chức và quản lý cắm mốc chỉ giới

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập trên địa bàn 01 xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập thuộc địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án trên từng địa bàn từng tỉnh;

c) Căn cứ phương án cắm mốc chỉ giới đã được phê duyệt, chủ đầu tư xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập để tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa; bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc cắm mốc.

Trường hợp mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc giới bị mất hoặc hư hỏng thông báo cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện biết để thay thế hoặc sửa chữa.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi.

2. Nội dung chính của phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi

a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; tại các khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thuỷ lợi có trách nhiệm tổ chức khảo sát, tính toán để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó ở công trình đầu mối;

d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;

đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du đập;

g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan;

i) Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thuỷ lợi theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hàng năm hoặc khi bản đồ ngập lụt được điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm tổ chức rà soát phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi. Trường hợp, sau rà soát không có thay đổi, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi báo cáo bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án để được tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp sau rà soát có thay đổi cần phải lập phương án điều chỉnh, bổ sung, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi điều chỉnh, bổ sung phương án để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 26 và một số khoản Điều 26 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 26 như sau:

“Điều 26. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa thuỷ lợi”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Hồ sơ thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26 như sau:

“3. Trình tự thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản trong thời hạn 01 ngày làm việc nếu hồ sơ chưa đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ sau 16 giờ thì văn bản trả lời được gửi trong ngày làm việc tiếp theo;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định phê duyệt theo thẩm quyền; trường hợp không phê duyệt thì có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 26 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn tỉnh; trường hợp đập, hồ chứa thuỷ lợi thuộc địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ra lệnh vận hành hồ chứa có trách nhiệm chủ trì phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 27 như sau:

"a) Vùng hạ du đập bị ảnh hưởng ngập lụt của một đập, chủ sở hữu đập tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập đối với công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng; đối với công trình trong giai đoạn xây dựng, người quyết định đầu tư tổ chức xây dựng, phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập;".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 28 như sau:

"3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan thực hiện hướng dẫn về huy động, điều phối lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 30 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau:

"1. Kinh phí thực hiện các nội dung quản lý an toàn đập, hồ chứa nước từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 như sau:

"2. Kinh phí thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi sử dụng kinh phí nhà nước để đầu tư xây dựng được thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau:

a) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác;

b) Đối với các nội dung chi quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của địa phương được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các nguồn huy động hợp pháp khác. Đối với các địa phương khó khăn về ngân sách, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công;

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do bộ quản lý được hỗ trợ từ ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch vốn đầu tư, dự toán kinh phí sự nghiệp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương với nội dung chi theo quy định tại Nghị định này, tổng hợp gửi Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 31 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 31 như sau:

"c) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi đối với các hồ chứa do bộ quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 31 như sau:

"3. Bộ Tài chính tổng hợp đề xuất của các đơn vị và trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương làm cơ sở để các đơn vị thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thuộc nhiệm vụ chi của trung ương; kinh phí cứu hộ và xử lý khắc phục sự cố đập, hồ chứa thủy lợi; kinh phí thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.".

Điều 16. Thay thế, bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

1. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ như sau:

a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 10; khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 16; khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 17; khoản 7 Điều 18; khoản 4 Điều 27; khoản 5 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 4 Điều 31; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 33;

b) Bỏ cụm từ "Bộ Công Thương" tại điểm c khoản 4 Điều 16; cụm từ "Bộ trưởng Bộ Công Thương" tại điểm d khoản 6 Điều 13;

c) Bỏ cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm k khoản 1 Điều 31;

d) Bỏ cụm từ “Thanh tra” tại các điểm h khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 31;

đ) Bỏ cụm từ “thủy điện” tại khoản 5 Điều 5; khoản 5 Điều 8; điểm a khoản 3 Điều 11; điểm b khoản 6 Điều 17;

e) Bỏ cụm từ “hoặc chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện” tại điểm b, c khoản 3 Điều 11;

g) Bỏ cụm từ “Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện” tại khoản 1 Điều 29;

h) Bỏ cụm từ “và khoản 4” tại khoản 5 Điều 8; cụm từ “khoản 2, khoản 7” tại khoản 3 Điều 17;

i) Bỏ cụm từ “Sở Công Thương báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương” tại khoản 5 Điều 13;

k) Bỏ cụm từ ‘phương án ứng phó thiên tai” tại điểm d khoản 1 Điều 31;

l) Bỏ cụm từ “chậm nhất sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành” tại điểm b khoản 3 Điều 11;

m) Bỏ cụm từ “chậm nhất sau 02 năm đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ” tại khoản 7 Điều 15; cụm từ “chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành” tại khoản 3 và khoản 6 Điều 20;

n) Bỏ cụm từ “chậm nhất sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành” tại khoản 2 Điều 9; khoản 7 Điều 15; khoản 4 Điều 20; khoản 3 Điều 29.

2. Thay thế một số cụm từ tại các điều, khoản, điểm như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 7 Điều 2; khoản 3 Điều 8; điểm a khoản 3 Điều 10; điểm d khoản 6 Điều 13; điểm a và điểm c khoản 4 Điều 16; khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 17; điểm c khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 23; khoản 4 Điều 29; khoản 4 Điều 30; tên khoản 1 Điều 31; điểm k khoản 1, khoản 5 Điều 31;

b) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo trung ương về chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm c, d và điểm đ khoản 6 Điều 13; khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 28;

c) Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại điểm a khoản 3 Điều 10; khoản 5 Điều 13; điểm a khoản 4 Điều 16; khoản 4 Điều 29;

d) Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" thành "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại điểm a khoản 3 Điều 10; điểm b khoản 6 Điều 17;

đ) Thay thế cụm từ "02 tỉnh" bằng cụm từ "02 đơn vị hành chính cấp tỉnh" tại khoản 3 Điều 8; khoản 1 Điều 17; điểm c khoản 3 Điều 27; khoản 4 Điều 30; điểm d khoản 1 Điều 31;

e) Thay thế cụm từ "hồ chứa nước" bằng cụm từ "hồ chứa thủy lợi" tại các khoản 6, 7, 11 và khoản 12 Điều 2; khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 3; khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 5; tên Điều 8; khoản 1 và khoản 2 Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; tên Điều 12; khoản 3, điểm a khoản 5, khoản 8, 9 và khoản10 Điều 12; Điều 13; Điều 14; khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 15; Điều 16; Điều 17; tên Điều 18; khoản 3 và khoản 5 Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 29; điểm d khoản 1 Điều 31;

g) Thay thế cụm từ "hồ chứa nước thủy lợi" bằng cụm từ "hồ chứa thủy lợi" tại khoản 7 Điều 2; điểm i và điểm k khoản 1 Điều 31;

h) Thay thế cụm từ "khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước" bằng cụm từ" "Điều 38 Luật Tài nguyên nước" tại khoản 1 Điều 13.

3. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 15; khoản 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 16; khoản 2, 3 và khoản 5 Điều 17; mục 1, 2, 4, 5 và 7 Phụ lục IV Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy trình vận hành hồ chứa nước; phương án bảo vệ đập; phương án ứng phó thiên tai; phương án ứng phó tình huống khẩn cấp; hồ sơ kiểm định an

toàn đập; hồ sơ cắm mốc chỉ giới; bản đồ ngập lụt vùng hạ du và các hồ sơ quản lý an toàn đập đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ về quy trình vận hành hồ chứa nước; phương án bảo vệ đập; phương án ứng phó thiên tai; phương án ứng phó tình huống khẩn cấp; kiểm định an toàn đập; cắm mốc chỉ giới; bản đồ ngập lụt vùng hạ du và các hồ sơ quản lý an toàn đập để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Hồ Quốc Dũng